TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2026/HS-ST
Ngày 10 – 6 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Ông Nguyễn Thanh Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 177/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Thanh T, sinh năm 2002, tại tỉnh An Giang; Thường trú tại: Ấp T, xã B, tỉnh An Giang; Nơi ở: Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Minh M, sinh năm 1999, tại tỉnh An Giang; Thường trú tại: Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh An Giang; Nơi ở: Đường T, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn M1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ, con; Có 01 em sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn T1, sinh năm 2001, tại tỉnh Cà Mau; Thường trú tại: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: Tổ B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B2, sinh năm 1978 và bà Danh Lệ T2, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con; Có 01 em sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số F khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 01 giờ 15 phút ngày 30/11/2025, Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước nhà số B đường N, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện Võ Minh M điều khiển xe mô tô biển số 67C1-286.42 chở Trần Thanh T và Trần Văn T1, có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện bên trong túi màu xám ghi chữ "Veluci" của Trần Văn T1 có 01 khẩu súng nhãn hiệu "Smith & Wesson" mã số XYL221013073, 05 viên đạn 5,6 x 15,5mm chưa qua sử dụng và 04 vỏ đạn kim loại màu vàng, nên đã lập Biên bản ghi nhận sự việc, để xác minh làm rõ.

Cùng ngày 30/11/2025, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thanh T tại Phòng trọ số 2, khu N khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở của Võ Minh M tại Phòng số 3, nhà trọ số A khu phố H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh và chỗ ở của Trần Văn T1 tại Phòng số 19, nhà T, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh không có đồ vật, tài liệu có liên quan đến tội phạm.

Vật chứng là súng, đạn và vỏ đạn thu giữ của Trần Văn T1 đã được giám định tại Kết luận giám định số 5768/KL-KTHS ngày 02/12/2025 của V1 - phân viện khoa học hình sự Công an Thành phố H, xác định:

"*1. 01 (một) khẩu súng gửi giám định là vũ khí quân dụng, thuộc loại súng ổ quay tự chế bắn đạn cỡ (5,6 x 15,5)mm. Hiện tại khẩu súng này còn bắn được.*

2. 05 (năm) viên đạn gửi giám định là vũ khí quân dụng, thuộc loại đạn cỡ (5,6 x 15,5)mm, sử dụng được cho khẩu súng trên.

3. 04 (bốn) vỏ đạn gửi giám định là vỏ của loại đạn cỡ (5,6 x 15,5)mm và được bắn ra từ khẩu súng trên".

Kết quả điều tra xác định tháng 9/2024, Trần Thanh T mua 01 khẩu súng nhãn hiệu "Smith & Wesson" mã số XYL221013073 và 11 viên đạn của Bùi Minh T3, giá 5.000.000 đồng. Sau đó, T để súng và đạn vào túi màu xám, cất giấu tại chỗ ở của T là Phòng số 2, khu N khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tối ngày 17/10/2024, T mời Trần Văn T1 đến phòng trọ của T để ăn uống. Sau đó, T lấy khẩu súng ra khoe với T1, rồi T cầm súng đi ra bụi cây cách phòng trọ khoảng 15 mét, bắn chỉ thiên 01 viên đạn, quá trình sử dụng súng, T làm rơi 01 viên đạn. Sau đó, T cất khẩu súng, 09 viên đạn còn lại và 01 vỏ đạn vào túi xách, để trong phòng trọ của T.

Tháng 4/2025, T rủ Võ Minh M đến phòng trọ của T để ăn uống, sau đó T lấy súng ra khoe và đưa cho M bắn chỉ thiên 01 viên đạn tại bụi cây cách phòng trọ khoảng 15 mét. Sau đó, M đưa lại súng cho T cất giấu cùng với 08 viên đạn còn lại.

Đến tháng 6/2025, T tiếp tục lấy súng ra bắn chỉ thiên 02 viên đạn tại bụi cây cách phòng trọ khoảng 15 mét, rồi cất giấu súng, 06 viên đạn còn lại và các vỏ đạn đã sử dụng tại phòng trọ. Đến tháng 9/2025, Trịnh Thị Thanh H1 (em ruột của T) đến ở phòng trọ của T, nên T mang túi xách chứa súng, đạn và vỏ đạn nêu trên cất giấu tại tủ quần áo cũ của chị Nguyễn Thị D (là người sống chung như vợ chồng với Lê Thanh P, là cậu ruột của T) tại phòng trọ thuộc khu N khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, để tránh bị phát hiện. Khi gửi thì T là người trực tiếp cất túi vào tủ và không nói cho chị D biết bên trong có súng, đạn.

Lúc 20 giờ 30 phút ngày 29/11/2025, T và M đến khu vực Chung cư H thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh ăn uống cùng với Đinh Văn Q và một số người bạn của Q (không rõ lai lịch). Trong quá trình ăn uống, T gọi điện thoại nói Trần Văn T1 đến phòng trọ của chị D lấy túi xách chứa súng, đạn và vỏ đạn mang đến cho T nên T1 đến gặp chị D và gọi điện thoại cho T nói chuyện với chị D cho T1 lấy túi xách của T để T1 đưa đến cho T. Sau đó, T1 mang túi xách chứa súng, đạn và vỏ đạn đến khu vực Chung cư H thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho T. T lấy súng ra đưa cho M để khoe, nhưng do sợ những người khác biết, nên M trả lại cho T. Khi M đưa lại súng cho T thì 06 viên đạn rơi xuống đất, chỉ nhặt được 05 viên, còn 01 viên không tìm thấy. T cất súng và đạn vào túi xách, đưa cho T1 giữ. Lúc 01 giờ 00 phút ngày 30/11/2025, M điều khiển xe mô tô biển số 67C1-286.42 chở T và T1 mang theo túi xách chứa khẩu súng, 05 viên đạn và 04 vỏ đạn bằng kim loại đi từ khu vực Chung cư H về phòng trọ của T, thì bị phát hiện thu giữ như trên.

Tại Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H, Trần Thanh T, Võ Minh M và Trần Văn T1 khai nhận hành vi như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 Khẩu súng Rulo, nhãn hiệu "Smith & Wesson" mã số XYL221013073, 05 viên đạn có kích thước khoảng (5,6 x 15,5mm) và 04 vỏ đạn.

- 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng thu giữ của Trần Thanh T;

- 01 Điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của Võ Minh M;

- 01 Điện thoại di động Oppo màu đen thu giữ của Trần Văn T1;

- 01 Hộp nhựa tròn màu trắng; 01 túi đeo có chữ Veluci;

- 01 Xe mô tô hiệu honda wave biển số 67C1-286.42.

Tại Bản Cáo trạng số 897/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 01/4/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Thanh T và Võ Minh M về tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); Truy tố bị cáo Trần Văn T1 về tội: Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Võ Minh M từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù về tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội: Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

- Về vật chứng:

+ Đối với 01 Khẩu súng Rulo, nhãn hiệu "Smith & Wesson" mã số XYL221013073 và 04 vỏ đạn đề nghị giao cho Bộ Tư lệnh Thành phố H xử lý theo thẩm quyền.

+ Đối với 05 viên đạn có kích thước khoảng (5,6 x 15,5mm) giám định viên đã bắn thực nghiệm không hoàn trả nên không đề nghị xử lý.

+ Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng thu giữ của Trần Thanh T và 01 Điện thoại di động Oppo màu đen thu giữ của Trần Văn T1, đây là phương tiện T và T1 liên lạc để lấy súng đạn nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của Võ Minh M không liên quan đến tội phạm nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 Hộp nhựa tròn màu trắng; 01 túi đeo có chữ V dùng để đựng súng đạn không có giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu honda wave biển số 67C1-286.42 thu giữ trong

vụ án, quá trình điều tra xác định ông Lê Thanh P là chủ sở hữu. Ông P cho Trần Thanh T mượn để đi lại và không biết T sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho ông P là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Bùi Minh T3, là người Trần Thanh T khai bán 01 khẩu súng và 11 viên đạn cho T nhưng do T3 không thừa nhận hành vi như T đã khai và không có chứng cứ khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý T3 về hành vi "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng".

- Đối với ông Lê Văn H2 và bà Nguyễn Thị D, kết quả điều tra xác định ông H2 và bà D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh P trình bày: Ông P đã được Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H trả lại xe mô tô hiệu honda wave biển số 67C1-286.42; Ông P xác định không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M và Trần Văn T1 không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra An ninh Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M và Trần Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Kết luận giám định số 5768/KL-KTHS ngày 02/12/2025 của V1 - phân viện khoa học hình sự Công an Thành phố H, biên bản khám xét và các chứng cứ, tài liệu trong vụ án có cơ sở xác định:

Trần Thanh T đã có hành vi cất giấu 01 khẩu súng Rulo, nhãn hiệu "Smith & Wesson" có mã số XYL221013073, 05 viên đạn là vũ khí quân dụng từ khoảng tháng 9 năm 2024 cho đến thời điểm bị phát hiện ngày 30/11/2025. Trong khoảng thời gian đó Võ Minh M và Trần Văn T1 biết rõ hành vi của T và có hành vi giúp sức cho T trong việc cất giấu súng, đạn nêu trên nên phải chịu trách

nhiệm với vai trò đồng phạm với Trần Thanh T.

Ngoài ra, Trần Thanh T đã có hành vi 02 lần sử dụng khẩu súng này bắn chỉ thiên 03 viên đạn vào ngày 17/10/2024 và vào tháng 6/2025; Đồng thời, T còn có hành vi cho Võ Minh M sử dụng súng bắn 01 viên đạn chỉ thiên vào tháng 4/2025, tại khu vực gần phòng trọ của T tại địa chỉ số F khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Võ Minh M đã có hành vi sử dụng khẩu súng này bắn chỉ thiên 01 viên đạn tại khu vực gần phòng trọ của T, địa chỉ số F khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 4/2025.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Thanh T và Võ Minh M đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); Hành vi của bị cáo Trần Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Vì vậy, Cáo trạng số 897/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 01/4/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M và Trần Văn T1 thực hiện là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, an toàn nơi công cộng, phá vỡ tình trạng ổn định, có tổ chức, kỷ luật tại nơi công cộng, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ vũ khí quân dụng là nguồn nguy hiểm cao đối với xã hội chỉ có cơ quan có thẩm quyền mới được chế tạo, quản lý nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn không có phân công vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không coi là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án Trần Thanh T có vai trò cao nhất, súng là do T mua và quản lý, T trực tiếp sử dụng hai lần và cho M sử dụng một lần, T cũng là người nói T1 đến phòng trọ của chị D lấy túi xách chứa súng, đạn và vỏ đạn mang đến cho T trước khi bị phát hiện; Võ Minh M có vai trò cao thứ hai, M đã một lần sử dụng súng và là người điều khiển xe chở T và T1 mang theo súng, đạn và vỏ đạn; Trần Văn T1 có vai trò thứ ba, khi được T nhờ đi lấy súng thì đã tích cực đi lấy, khi M điều khiển xe chở T và T1 thì T1 cũng là người giữ túi xách có súng, đạn và vỏ đạn. Do đó, các bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M và Trần Văn T1 phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; Bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M phải chịu trách nhiệm với hành vi sử dụng súng của mình.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội

“Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Bị cáo Võ Minh M và Trần Văn T1 không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

[6] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước, hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy đã áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 04/3/2026, Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H giao vật chứng cho Bộ Tư Lệnh Thành phố H để bảo quản, xử lý gồm: 01 khẩu súng Rulo, nhãn hiệu “Smith & Wesson” mã số XYL221013073 và 04 vỏ đạn, đây là vật chứng của vụ án nên cần giao cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo luật định.

- Đối với 05 viên đạn có kích thước khoảng (5,6 x 15,5mm) giám định viên đã bắn thực nghiệm không hoàn trả nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xử lý là phù hợp.

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng thu giữ của Trần Thanh T và 01 Điện thoại di động Oppo màu đen thu giữ của Trần Văn T1, đây là phương tiện T và T1 liên lạc để phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của Võ Minh M không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 Hộp nhựa tròn màu trắng; 01 túi đeo có chữ V dùng để đựng súng đạn không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu honda wave biển số 67C1-286.42 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định ông Lê Thanh P là chủ sở hữu. Ông P cho

Trần Thanh T mượn để đi lại và không biết T sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho ông P là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với Bùi Minh T3, là người Trần Thanh T khai bán 01 khẩu súng và 11 viên đạn cho T nhưng do T3 không thừa nhận hành vi như T đã khai và không có chứng cứ khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý T3 về hành vi "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng" là phù hợp.

[10] Đối với ông Lê Văn H2 và bà Nguyễn Thị D, kết quả điều tra xác định ông H2 và bà D không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo Trần Văn T1 là cao so với tính chất mức độ hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn.

[12] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M phạm tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội: Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2025.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Võ Minh M 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2025.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025), xử phạt bị cáo Trần Văn T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2025.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Giao cho Bộ Tư lệnh Thành phố H xử lý theo thẩm quyền: 01 khẩu súng Rulo, nhãn hiệu "Smith & Wesson" mã số XYL221013073 và 04 vỏ đạn (Biên bản giao nhận vật chứng 04/3/2026);

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu trắng thu giữ của Trần Thanh T và 01 Điện thoại di động Oppo màu đen thu giữ của Trần Văn T1;

- Trả lại cho bị cáo Võ Minh M 01 Điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của Võ Minh M;

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 Hộp nhựa tròn màu trắng; 01 túi đeo có chữ Veluci.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/5/2026).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Trần Thanh T, Võ Minh M và Trần Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (DA) (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam